

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2025/HSST.
Ngày 31/03/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Dũng.

2/ Bà Phạm Hồng Gái.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2025/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn T**, sinh ngày 11/11/1992; tại Kiên Giang; Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: ấp M, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị H1; Anh (chị) em ruột: gồm 02 người, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; Có vợ tên: Huỳnh Thị Thúy A và 02 người con.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 262 ngày 04/01/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang xử phạt 20.000.000 đồng về hành vi sản xuất, buôn bán hàng cấm.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/11/2024 cho đến nay (có mặt).

Bị hại: Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp V, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang (chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1968; bà **Thị H2**, sinh năm 1970 và chị **Huỳnh Thị S**, sinh năm 1990; Cùng địa chỉ: Tổ A, ấp V, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp M, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt).

Người làm chứng: Ông **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 2001; Địa chỉ: ấp K, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 15/10/2024, Phạm Văn T trực tiếp điều khiển xe ô tô tải mang biển kiểm soát 69C - 064.73 lưu thông trên đường Q, theo hướng H đi Rạch G. Khi đến Km 136 + 200, Quốc lộ H, thuộc tổ G, khu phố S, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang; T điều khiển xe ô tô đi không đúng phần đường quy định (lấn sang phần đường bên trái, so với hướng chạy của xe ô tô do T điều khiển) và chạm với xe mô tô mang biển kiểm soát 68K1-076.50 do ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1990, thường trú ấp V, xã S, huyện H trực tiếp điều khiển, lưu thông theo hướng ngược chiều (theo hướng Rạch G đi H). Hậu quả làm ông Nguyễn Văn M tử vong tại chỗ.

* Tại bản kết luận giám định tử thi số 1190/KLGĐTT-KTHS ngày 07/11/2024 của Phòng K - Công an tỉnh K đối với Nguyễn Văn M đã kết luận như sau:

Kết quả chính:

- Trên toàn thân nạn nhân có nhiều vết sây sát, rách da và bầm tụ máu rải rác.
- Bầm tím hốc mắt hai bên. Hai lỗ mũi chảy máu. Gãy xẹp xương gò má trái.
- Gãy đứt lìa 1/3 dưới cẳng chân trái.

- Tụ máu dưới da đầu vùng thái dương bên trái, tụ máu cơ thái dương hai bên, vỡ xương hộp sọ vùng thái dương trái, nứt xương hộp sọ thái dương phải, tụ máu dưới màng cứng, dưới màng nhện vùng thái dương trái.

Nguyên nhân tử vong: Do chấn thương sọ não.

* Tại Bản kết luận giám định nồng độ cồn số: 1239/KL-KTHS ngày 15/11/2024 của Phòng K Công an tỉnh K đối với mẫu máu ông Nguyễn Văn M, kết luận: Dung dịch máu chứa trong ống nghiệm được niêm phong và bảo quản lạnh gửi giám định có chứa thành phần Ethanol (cồn), nồng độ: 133,8mg/100ml máu (một trăm ba mươi ba phẩy tám miligam trên một trăm mililit máu).

* Biên lai số ID: 863823, biên bản: 00566 ngày 16/10/2024, thời gian: 01:37 đối với Phạm Văn T, nồng độ cồn: 0.000mg/L.

* Biên bản xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể ngày 15/10/2024 đối với Phạm Văn T, kết quả: Âm tính.

* Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật tài liệu:

- 01 (một) giấy phép lái xe ô tô hạng C số 910104007178, mang tên Phạm Văn T, cấp ngày 27/7/2022 có giá trị đến ngày 27/07/2027.

- 01 (một) căn cước công dân số 091092017121, mang tên Phạm Văn T.

- 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường bộ số 2348417, phương tiện đăng ký 69C-064.73 có hiệu lực đến hết ngày 06/8/2025.

- 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô tên Trần Quốc N, số: DK24/0130909, thời hạn bảo hiểm đến ngày 10/03/2025.

- 01 (một) xe ô tô tải nhãn hiệu KIA, biển số 69C-064.73, số loại THACOFRONTERK250MB3, số máy LD520234D4CB, số khung RNHA05KHBL.C015979.

- 01 (một) xe mô tô biển số 68K1 - 076.50, loại xe Sirius, hiệu Yamaha.

- 01 (một) giấy phép lái xe mô tô số 910224013809, mang tên Nguyễn Văn M.

* Tại Cáo trạng số 20/CT-VKS-HĐ ngày 22/01/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang: Truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự

năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

*** Tại phiên tòa sơ thẩm:**

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất có ý kiến:** Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội danh và khung hình phạt; căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xét thấy bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, bị cáo đã bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của gia đình bị hại, gia đình bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận quyết định xử lý vật chứng là trả lại tài sản cho chủ sở hữu và đại diện hợp pháp của bị hại; trả lại cho bị cáo Phạm Văn T 01 (một) giấy phép lái xe số 910104007178 mang tên Phạm Văn T.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T đã bồi thường cho đại diện hợp pháp cho bị hại số tiền 100.000.000 đồng và đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện bồi thường thêm tiền cấp dưỡng nuôi 02 người con của bị hại cho đại diện hợp pháp bị hại là chị Huỳnh Thị S số tiền 10.000.000 đồng nên đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo T.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo T hành nghề tài xế nên đề nghị HĐXX áp dụng hình phạt bổ sung cấm hành nghề với thời hạn 01 năm. Ngoài ra, còn đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải chịu án phí cấp dưỡng và án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

- **Đại diện hợp pháp của bị hại ông Nguyễn Văn B, bà Thị H2 và chị Huỳnh Thị S có ý kiến:** Bị cáo với đại diện hợp pháp của bị hại đã thỏa thuận bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 100.000.000 đồng, bị cáo đã bồi thường xong cho đại diện hợp pháp của bị hại số tiền này, bị cáo còn tự nguyện bồi thường thêm tiền cấp dưỡng nuôi 02 người con của bị hại với số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 28/4/2025 dương lịch cho chị Huỳnh Thị S nên ông B, bà H2 và chị S có đơn bãi nại và xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- **Bị cáo Phạm Văn T khai nhận:** Hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất đã truy tố đối với bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, trở thành công

dân tốt cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự; HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng cùng với đặc điểm vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Vì vậy có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 20 giờ ngày 15/10/1024, bị cáo Phạm Văn T trực tiếp điều khiển xe ô tô tải mang biển kiểm soát 69C -064.73 lưu thông trên đường Q, theo hướng H đi Rạch G. Khi đến Km 136 + 200, Quốc lộ H, thuộc tổ G, khu phố S, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang; Do thiếu chú ý quan sát khi vượt chướng ngại vật, T điều khiển xe ô tô đi không đúng phần đường quy định (lấn sang phần đường bên trái, so với hướng chạy của xe ô tô do T điều khiển) va chạm với xe mô tô mang biển kiểm soát 68K1-076.50 do Nguyễn Văn M trực tiếp điều khiển, lưu thông theo hướng ngược chiều (theo hướng Rạch G đi H). Hậu quả làm ông Nguyễn Văn M tử vong tại chỗ.

Thời điểm xảy ra vụ tại nạn trên, bị cáo T tham gia giao thông đi không đúng phần đường quy định, vi phạm quy định tại khoản 01 Điều 9 Luật giao thông đường bộ nên bị cáo bị truy tố về tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy

định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự năm 2015 (*được sửa đổi bổ sung năm 2017*) là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Bị cáo Phạm Văn T là người đã thành niên đủ năng lực hành vi hình sự và nhận thức được rằng khi tham gia giao thông thì phải tuân thủ luật giao thông đường bộ. Tuy nhiên, bị cáo điều khiển phương tiện nhưng lại thiếu quan sát dẫn đến không làm chủ được tay lái nên lấn sang phần đường bên trái đâm vào xe mô tô do ông Nguyễn Văn M đang lưu thông ngược chiều, hậu quả làm ông M tử vong tại chỗ. Hành vi của bị cáo không chỉ ảnh hưởng đến tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất an ninh trật tự và là nguyên nhân dẫn đến tình trạng tai nạn giao thông ngày càng gia tăng nên cần có một mức án nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo để trở thành người công dân tốt và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng bị cáo có nhân thân xấu, đã bị xử phạt vi phạm hành chính năm 2024 về hành vi “hành vi sản xuất, buôn bán hàng cấm”. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại; người đại diện hợp pháp cho bị hại có đơn đề nghị không truy cứu trách nhiệm hình sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên HĐXX có xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra giữa bị cáo Phạm Văn T với đại diện của bị hại đã tự nguyện thỏa thuận, bị cáo T đã bồi thường cho đại diện hợp pháp cho bị hại số tiền 100.000.000 đồng và đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện bồi thường thêm số tiền cấp dưỡng nuôi 02 người con của bị hại là Huỳnh Thị Thảo T3, sinh năm 2012 và Huỳnh Chí B1, sinh năm 2015 cho đại diện hợp pháp của bị hại là chị Huỳnh Thị S số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 28/4/2025. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bị cáo nên HĐXX ghi nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 5 Điều 260 BLHS thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Theo các tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án cho thấy bị cáo Phạm Văn T hành nghề lái xe, do lơ là, chủ quan trong lúc điều khiển

phương tiện tham gia giao thông, không quan sát kỹ những người cùng tham gia giao thông. Hậu quả gây tai nạn chết người. Vì vậy, HĐXX thống nhất cấm bị cáo T hành nghề lái xe với thời hạn 01 năm.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Ghi nhận Quyết định xử lý vật chứng số 1007/QĐ-CSĐT-ĐTTH ngày 21/11/2024; 1008/QĐ-CSĐT-ĐTTH ngày 21/11/2024 về việc xử lý tài sản, đồ vật của cơ quan Công an huyện H, tỉnh Kiên Giang về việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu ông Nguyễn Văn T1 và đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Văn M.

- 01 (một) giấy phép lái xe hạng C số 910104007178 mang tên Phạm Văn T, sinh ngày 11/11/1992; Nơi cư trú: ấp M, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang cần được trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[8] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo T phải chịu án phí cấp dưỡng và án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Xét quan điểm truy tố của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tại phiên tòa về việc định tội danh cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

2. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T **09** (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành hình phạt tù.

3. Về hình phạt bổ sung: Cấm hành nghề lái xe ô tô đối với bị cáo Phạm Văn T trong thời hạn **01** (một) năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Phạm Văn T bồi thường thêm số tiền cấp dưỡng nuôi 02 người con của bị hại là Huỳnh Thị Thảo T3, sinh năm 2012 và Huỳnh Chí B1, sinh năm 2015 cho đại diện hợp pháp của bị hại là chị Huỳnh Thị S số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) vào ngày 28/4/2025.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Ghi nhận Quyết định xử lý vật chứng số 1007/QĐ-CSĐT-ĐTTH ngày 21/11/2024; 1008/QĐ-CSĐT-ĐTTH ngày 21/11/2024 về việc xử lý tài sản, đồ vật của cơ quan Công an huyện H, tỉnh Kiên Giang về việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu ông Nguyễn Văn T1 và đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Văn M.

- Trả lại 01 (một) giấy phép lái xe hạng C số 910104007178 mang tên Phạm Văn T, sinh ngày 11/11/1992; Nơi cư trú: ấp M, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang cho bị cáo Phạm Văn T.

(Có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/01/2025 giữa Cơ quan Công an huyện H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất)

6. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng và 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 1, 4 Điều 331 và khoản 1, 3 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi thường trú.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự,

người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

Nơi Nhận:

- TAND Tỉnh KG;
- VKS Huyện Hòn Đất;
- Chi cục THA DS huyện Hòn Đất;
- Cơ quan THA huyện Hòn Đất;
- Bị cáo; đại diện bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Hồng Điệp